

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 10/3 xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước ít biến đổi, mực nước cao nhất ngày 10/3 xấp xỉ cùng kỳ năm 2025 và cao hơn TBNN từ 35-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 10/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm. Biên độ mực nước xuống trung bình từ 03-05cm so với ngày hôm trước.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 10/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 54cm, xuống 09cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm đến ngày 13/03, sau lên lại theo triều.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm đến ngày 13/03, sau lên lại theo kỳ triều đầu tháng Hai Âm lịch.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo triều trong 2-3 ngày tới, sau xuống chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 12/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	10/3		09/03						11/3	12/3	13/3	14/3	15/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	137	-2	▼	1	▲	29	▲	131	125	117	120	126
					Hmin	9	-12	▼	26	▲	2	▲	1	-6	-12	-17	-22
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	146	1	▲	-2	▼	40	▲	139	132	124	126	132
					Hmin	-2	-13	▼	29	▲	14	▲	-10	-17	-24	-29	-34
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	129	-7	▼	7	▲	30	▲	125	121	117	115	113
					Hmin	56	-12	▼	32	▲	24	▲	51	46	41	39	37
	Châu Độc	300	350	400	Hmax	153	-2	▼	-4	▼	39	▲	147	141	133	136	141
					Hmin	11	-13	▼	28	▲	9	▲	3	-4	-10	-15	-20
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	166	0	↔	3	▲	53	▲	160	153	145	147	153
					Hmin	7	-15	▼	34	▲	35	▲	-1	-8	-15	-20	-25
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	150	-1	▼	-1	▼	37	▲	142	135	127	129	135
					Hmin	3	-13	▼	31	▲	13	▲	-5	-12	-19	-24	-29
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	65	-7	▼	22	▲	31	▲	60	56	53	52	51
					Hmin	36	-9	▼	28	▲	25	▲	33	30	28	27	26
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	54	-6	▼	26	▲	28	▲	49	45	42	41	40
					Hmin	42	-9	▼	23	▲	20	▲	39	36	34	33	32
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	60	-6	▼	24	▲	26	▲	55	51	48	47	46
					Hmin	49	-9	▼	21	▲	20	▲	46	43	41	40	39
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	61	-6	▼	23	▲	30	▲	56	52	49	48	47
					Hmin	50	-9	▼	20	▲	24	▲	47	44	42	41	40
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	67	-6	▼	22	▲	29	▲	62	58	55	54	53
					Hmin	55	-8	▼	17	▲	23	▲	52	49	47	46	45
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	68	-6	▼	12	▲	32	▲	63	59	56	54	53
					Hmin	39	-9	▼	21	▲	24	▲	34	30	28	26	25
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	79	-5	▼	14	▲	43	▲	74	70	67	65	64
					Hmin	61	-7	▼	20	▲	35	▲	56	52	50	48	47
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	66	-4	▼	11	▲	26	▲	61	57	54	52	51
					Hmin	52	-9	▼	11	▲	22	▲	47	43	41	39	38
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	48	-5	▼	19	▲	27	▲	43	39	36	34	33
					Hmin	33	-9	▼	17	▲	18	▲	28	24	22	20	19
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	95	-6	▼	11	▲	42	▲	90	86	83	81	80
					Hmin	75	-10	▼	18	▲	37	▲	70	66	64	62	61
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	120	-5	▼	8	▲	44	▲	115	111	108	106	105
					Hmin	73	-11	▼	21	▲	32	▲	68	64	62	60	59
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	89	-5	▼	7	▲	27	▲	84	80	77	75	74
					Hmin	65	-8	▼	17	▲	23	▲	60	56	54	52	51
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	75	-3	▼	9	▲	25	▲	70	66	63	61	60
					Hmin	57	-9	▼	14	▲	23	▲	52	48	46	44	43

Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	60	-2	▼	11	▲	26	▲	55	51	48	46	45
					Hmin	45	-7	▼	11	▲	29	▲	40	36	34	32	31
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	41	-2	▼	10	▲	9	▲	39	37	35	33	31
					Hmin	7	-19	▼	-10	▼	24	▲	4	2	0	-2	-4
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	54	-9	▼	-8	▼	14	▲	57	60	63	56	47
					Hmin	-16	-27	▼	0	◀▶	14	▲	-19	-24	-22	-20	-18

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





